TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2025
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hoàng Điệt.

Ông Đặng Duy Tân.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trương Thị Anh Thư là thư ký Tòa án nhân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý– Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2025 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị D; sinh ngày: 22/9/1989; CCCD: 094189019518.

Địa chỉ: ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần N; sinh năm: 1986; CMND: 365602058.

Địa chỉ: ấp P, xã M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị D và anh Trần N có tổ chức tiệc cưới vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 12 năm 2017, tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương, thành phố Cần Thơ). Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên

cơ sở tự nguyện, anh chị tìm hiểu nhau một thời gian thì đi đến hôn nhân. Thời gian đầu khi sống chung với nhau thì vợ chồng anh chị sống rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng thời gian về sau giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh chị bất đồng về quan điểm sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục xảy ra nên anh chị đã sống ly thân hơn 02 (hai) năm nay. Chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Dyêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh Trần N.

Về con chung: Chị Lâm Thị D tự khai trong thời gian chung sống với anh Trần N thì anh chị có 02 (hai) người con chung là Trần Lâm Hoàng T (nam, sinh ngày 16/11/2017) và Trần Hoàng A (nam, sinh ngày 30/4/2008). Sau khi ly hôn chị Dyêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Lâm Hoàng T (nam, sinh ngày 16/11/2017) và Trần Hoàng A(nam, sinh ngày 30/4/2008) cho đến khi cháu T, cháu Ađủ 18 (mười tám) tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lâm Thị D không yêu cầu anh Trần N cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Lâm Hoàng T (nam, sinh ngày 16/11/2017) và Trần Hoàng A (nam, sinh ngày 30/4/2008) vì hiện nay chị Dcó khả năng, điều kiện nuôi dưỡng cháu T, cháu Anh.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lâm Thị D tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần N: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn chị Lâm Thị D tại Thông báo thụ lý vụ án số: 113/TB-TLVA, ngày 12 tháng 5 năm 2025 và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Trần N, cũng như đã triệu tập hợp lệ cho anh Trần N đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng anh Trần N đều không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó, Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Trần N nhưng anh Trần N không gửi văn bản ghi ý kiến của anh Trần N đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị Lâm Thị D.

Tại biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của con chưa thành niên lập ngày 04 tháng 6 năm 2025, cháu Trần Lâm Hoàng T (nam, sinh ngày 16/11/2017) và Trần Hoàng A(nam, sinh ngày 30/4/2008) trình bày: Hiện nay các cháu đang sống cùng với mẹ, cuộc sống của các cháu hiện nay ổn định. Nếu cha mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị Lâm Thị D.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực - Cần Thơ trình bày ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị D, về việc chị Dyêu cầu ly hôn với anh Trần N, đồng thời chị Dyêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Lâm Hoàng T (nam, sinh ngày 16/11/2017) và Trần Hoàng A (nam, sinh ngày 30/4/2008) cho đến khi cháu T, cháu Ađủ 18 (mười tám) tuổi và không yêu cầu anh Trần N cấp dưỡng nuôi con. Còn về tài sản chung, nợ chung chị Dtự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Lâm Thị D vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt); Bị đơn anh Trần N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng cả hai lần đều vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lâm Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị và anh Trần N. Bị đơn anh Trần N có nơi cư trú ấp Phú Tức, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp ấp P, xã M, thành phố Cần Thơ). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, Đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Toà án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ) thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị D và anh Trần N xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đủ điều kiện kết hôn. Do đó, việc chị Lâm Thị D và anh Trần N tiến đến hôn nhân và được Uỷ ban nhân dân xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Hương, thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04 tháng 12 năm 2017) là hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật cho nên được pháp luật

công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và cần giải quyết hậu quả phát sinh từ cuộc hôn nhân này.

Trong quá trình chung sống theo chị D trình bày do vợ chồng tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, anh chị thường xuyên cãi vã. Chị D và anh N đã sống ly thân từ hơn 02 (hai) năm nay, khi xảy ra mâu thuẫn chị Dvà anh Nđã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được và vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay chị D và anh N không còn chung sống với nhau như vợ chồng, anh chị đều có công việc riêng và có cuộc sống riêng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị Dvẫn cương quyết xin ly hôn với anh Trần N.

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Đối chiếu với quan hệ hôn nhân giữa chị Dvà anh Nthì hiện nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng thực trạng mâu thuẫn giữa chị Dvà anh Nđã đến mức trầm trọng, hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau như vợ chồng, anh chị không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị D.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị Lâm Thị D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Lâm Hoàng T (nam, sinh ngày 16/11/2017) và Trần Hoàng A (nam, sinh ngày 30/4/2008) cho đến khi cháu T, cháu A đủ 18 (mười tám) tuổi. Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Nhận thấy, từ khi chị Dvà anh Nsống ly thân cho đến nay thì khi cháu T, cháu A đều do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng về tâm lý phát triển bình thường, cuộc sống ổn định. Đồng thời, tại biên bản ghi ý kiến khi cháu T, cháu A thì các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ ruột là chị Lâm Thị D.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng nhằm để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, ổn định cuộc sống cũng như tâm sinh lý của cháu Trần Lâm Hoàng T và Trần Hoàng Anên việc giao cháu T, cháu A cho chị Lâm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Trần Lâm Hoàng T (nam, sinh ngày 16/11/2017) và Trần Hoàng

A(nam, sinh ngày 30/4/2008) cho chị Lâm Thị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T, cháu Ađủ 18 (mười tám) tuổi, anh Trần N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Trần N thực hiện quyền này, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Đáng lẽ ra, anh Trần N là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị D cho rằng hiện nay chị có công việc làm ổn định, thu nhập hằng tháng của chị D đảm bảo nên chị Dcó khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng con nên chị D tự nguyện không yêu cầu anh Trần N cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Lâm Hoàng T (nam, sinh ngày 16/11/2017) và Trần Hoàng A(nam, sinh ngày 30/4/2008). Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị Lâm Thị D tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị Lâm Thị D tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Lâm Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, Đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị D được ly hôn với anh Trần N.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung tên Trần Lâm Hoàng T (nam, sinh ngày 16/11/2017) và Trần Hoàng A(nam, sinh ngày 30/4/2008) cho chị Lâm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Lâm Hoàng T (nam, sinh ngày 16/11/2017) và cháu Trần Hoàng A(nam, sinh ngày 30/4/2008) đủ 18 (mười tám) tuổi.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lâm Thị D tự khai có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng cháu Trần Lâm Hoàng T (nam, sinh ngày 16/11/2017) và Trần Hoàng A(nam, sinh ngày 30/4/2008) và tự nguyện không yêu cầu anh Trần N cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lâm Hoàng T (nam, sinh ngày 16/11/2017) và Trần Hoàng A(nam, sinh ngày 30/4/2008) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.3 Sau khi ly hôn, anh Trần N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Trần Lâm Hoàng T (nam, sinh ngày 16/11/2017) và Trần Hoàng A(nam, sinh ngày 30/4/2008), chị Lâm Thị D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Trần N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Chị Lâm Thị D tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Lâm Thị D tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lâm Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007630 ngày 09 tháng 5 năm 2025, chị Lâm Thị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 6-Cần Thơ;
- Phòng THAKV6, THADS TPCT;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hương, TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng